

Bản án số: 75/2019/HSPT

Ngày 22 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến
Các Thẩm phán: Ông Tạ Quốc Việt
Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lá, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2019/HSPT ngày 11/4/2019 đối với bị cáo Trương Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo kháng cáo:

Trương Ngọc T, sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; Thường trú: Ấp 3, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Cha: Trương Văn T; Mẹ: Nguyễn Thị C; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 03 người con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 28/11/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự khu dân cư và không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ.

Bị bắt: 30/9/2017 - Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không kháng cáo, không triệu tập đến phiên tòa:

Nguyễn Phước C, sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai; Thường trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Ngọc T quen biết Nguyễn Phước C, Trần Minh L và Giáp Văn H qua Lê Thanh M. Trong thời gian T từ Thành phố Hồ Chí Minh về thị trấn P, huyện X để mua bán gà đá thì C và L giúp T tìm mua gà và tìm thuê phòng trọ. Sau một thời gian mua bán có lời, biết C sử dụng ma túy nên khoảng 09 giờ ngày 23/9/2017, T cho C 800.000 đồng để C tự đi mua ma túy về sử dụng. C nhận tiền của T đi thành phố B, tỉnh Đồng Nai mua một gói ma túy của một người không rõ lai lịch, sau đó mang về giao lại cho T cất giữ, khi nào có nhu cầu sử dụng thì xin T. Ngày 23/9/2017, T cho C 01 gói để sử dụng; ngày 24/9/2017, T tiếp tục cho C 01 gói ma túy, C đã sử dụng gói ma túy này cùng với M và H tại phòng trọ của T; ngày 25/9/2017, L đến phòng trọ của T chơi, T đã cho L 01 gói ma túy, L đã sử dụng gói ma túy này cùng M và H.

Khoảng 09 giờ ngày 26/9/2017, T tiếp tục đưa cho C 1.000.000 đồng nhờ C đi mua ma túy. Biết T nhờ mua ma túy về bán kiếm lời, C đồng ý nhận tiền từ T và đi thành phố B, tỉnh Đồng Nai mua một gói ma túy đá của người đã mua lần trước. Đến ngày 29/9/2017, C mang ma túy về nhà trọ của T thuê ở khu phố X, thị trấn P, huyện X giao lại cho T và T đã nhờ C ngồi trong phòng phân ma túy ra thành những gói nhỏ (09 gói) còn T thì ngồi ăn cơm, lúc này có Giáp Văn H tới nên T đã cho H 01 gói ma túy để H sử dụng. Khoảng 21 giờ cùng ngày L đến và đứng ngoài cửa hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá với T, T nhìn sang C hỏi “gói ma túy đưa cho H lúc này đủ 200.000 đồng không”, C trả lời “đủ”, sau đó T nói H đưa ma túy lại cho T và T đã bán cho L gói ma túy này lấy 200.000 đồng. Sau khi C phân ma túy xong thì T cho C 01 gói ma túy để sử dụng, còn lại 07 gói T cất giấu ở bếp của nhà trọ để bán kiếm lời. Ngày 30/9/2017, Công an thị trấn P kiểm tra nhà trọ của T thì phát hiện và thu giữ số ma túy trên. Tại Cơ quan điều tra, Trương Ngọc T và Nguyễn Phước C đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Tại Bản kết luận giám định số 218/GĐMT-PC54 (Đ4) ngày 02/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: Mẫu chất kết tinh không màu – trong suốt chứa trong 07 (bảy) gói nylon hàn kín, được niêm phong trong một phong bì màu trắng, có hình dấu của Công an thị trấn P, huyện X cùng các chữ ký ghi họ tên Đại úy Đặng Hồng Q, Trương Ngọc T, Nguyễn Thị T, Phan Anh T, Lê Văn S gửi đến giám định có trọng lượng 1,0003 gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện X đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc T và Nguyễn Phước C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T: 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2017.

- Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước C: 07 (Bảy) năm tù.

Bản án sơ thẩm cũng đã quyết định về xử lý vật chứng, về án phí.

Ngày 12/3/2019, Trương Ngọc T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện X; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với các nội dung trên; bị cáo cho rằng, về nhận thức, bị cáo không biết được việc cho Nguyễn Phước C và Trần Minh L hút ma túy là mua bán ma túy. Do để cảm ơn C và L trong việc giúp đỡ công việc làm ăn, bị cáo đã cho C tiền nhưng C không lấy, nên bị cáo cho C và L ma túy để hút như là sự cảm ơn. Ngoài ra, bị cáo đã có 06 năm công tác trong quân đội, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để bị cáo yên tâm cải tạo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã phân tích, kết luận toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và cho rằng, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của Trương Ngọc T gửi trong thời hạn quy định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Trương Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp lời khai của nhân chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 29/9/2017, Trương Ngọc T bán cho Trần Minh L 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, đã nhận tiền và giao ma túy. Sáng ngày 30/9/2017, Công an thị trấn P, huyện X kiểm tra nhà trọ của Thuận đã phát hiện và thu giữ 07 gói ma túy tại khu vực bếp do T cất giấu nhằm mục đích để bán cho các con nghiện, qua giám định số ma túy có khối lượng là 1,0003gam là Methamphetamine.

Quá trình điều tra và khai nhận của bị cáo tại các phiên tòa còn xác định được trong các ngày 23/9/2017, 24/9/2017 và 29/9/2017 T đã đưa ma túy cho C để sử dụng vì C đã giúp T thuê nhà trọ, mua bán gà đá và mua ma túy giúp T. Ngày

25/9/2017, T đưa cho Trần Minh L 01 gói ma túy để sử dụng do L đã chỉ chỗ cho T mua gà đá.

[2.2]. Án sơ thẩm đã nhận định: “Bản thân Trương Ngọc T không sử dụng ma túy, nhưng mua ma túy về cho Nguyễn Phước C, Trần Minh L sử dụng và hành vi này của Trương Ngọc T lặp đi lặp lại nhiều lần. Căn cứ hướng dẫn tại điểm đ tiểu mục 3.3 Mục 3, Phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp thì Trương Ngọc T đã “Dùng chất ma túy để trao đổi thanh toán trái phép”, vì vậy các hành vi trên của Trương Ngọc T đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999”. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần” để xử phạt bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.3]. Án sơ thẩm đã nhận định về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, và đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là: “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự) và “có ông nội là ông Trương Văn Đ là liệt sỹ nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự” là phù hợp. Xét nhân thân của bị cáo có 06 năm tham gia trong quân đội và động cơ, mục đích phạm tội như kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.4]. Về điều luật áp dụng: Án sơ thẩm áp dụng Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi so sánh Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 với Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 cùng quy định về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thì mức cao nhất và mức thấp nhất của hình phạt chính của 02 điều luật đều bằng nhau; hình phạt bổ sung cũng bằng nhau. Do đó, áp dụng Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là điều luật đã có hiệu lực để xét xử bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Ngọc T, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Trương Ngọc T 07 (Bảy) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2017.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 10/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện X không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Trương Ngọc T không phải chịu phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh BR– VT;
- PV 27 Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Tòa án nhân dân H. X.;
- Viện KSND H. X ;
- Công an H. X. ;
- Chi cục THADS H. X. ;
- UBND xã P, G, Bến Tre;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiến